

Bản án số: 17/2026/KDTM - PT

Ngày: 30/3/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua
bán điện*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Minh Phượng

Ông Nguyễn Văn Thọ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:* Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 50/2026/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán điện*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 47/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐ-PT ngày 12/01/2026; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 78/TB-TA ngày 22/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2026/QĐ-PT ngày 09/02/2026, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 125/TB-TA ngày 20/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH Đ3**. Địa chỉ : Số H, Biệt thự A Khu đô thị H, xã V, huyện H, thành phố Hà Nội (cũ) - nay là Số H, Biệt thự A Khu đô thị H, phường X, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thanh H, sinh năm: 1997. Địa chỉ: T, TT T, T, Thanh Hóa (cũ) - nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ liên hệ: P406, Nhà D số A V, phường Y, Thành phố Hà Nội. Là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 02/UQ ngày 30/10/2023 của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc K – Luật sư của Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ: P, Nhà D số A V, phường Y, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: **Tổng Công ty Đ3**; Địa chỉ: Số G D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ) – nay là G D, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Trần Duy L, sinh năm: 1979 - Phó Trưởng Ban Pháp chế EVNCPC;
- Ông Lương Nguyễn Quang V, sinh năm: 1979 - Phó trưởng Ban Kinh doanh EVNCPC;
- Ông Nguyễn Danh L1, sinh năm: 199 2- Chuyên viên Ban pháp chế EVNCPC.

Cùng địa chỉ: Số G A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ) – nay là G D, phường H, Tp Đà Nẵng.

Là những người đại theo theo ủy quyền (Theo giấy uỷ quyền số 8575/GUQ-EVNPC ngày 05/12/2023 của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Đ3). Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty Cổ phần T3; Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn nay là Thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Thế Q – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Công ty Đ4; Địa chỉ: Số F, Ngõ A, phố V, Phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (cũ) nay là Số F, ngõ A phố V, phường V, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T - Giám đốc Công ty. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Công ty Cổ phần T4; Địa chỉ: Lô A+A3.13 Khu C Khu A), KKT N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ) – nay là Lô A3.12+A3.13 Khu CN Nhơn Hội (Khu A), KKT N, phường Q, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: bà Võ Thị Nguyệt N - Giám đốc Công ty. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.4. Ông Nguyễn Thế B, sinh năm: 1969 - Phó Giám đốc Công ty T4; Ông Phan Văn H1, sinh năm: 1975 - Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty T4; Ông Lưu Hữu L2, sinh năm: 1996 – Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty T4. Cùng địa chỉ: Số E T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ) – nay là E T, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3.5. Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm: 1983 - Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật Điện lực Q3; Địa chỉ: Số C L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ) – nay là Số C L, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty TNHH Đ3

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Công ty TNHH Đ3: Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty TNHH Đ3 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ3) đã đầu tư hệ thống điện mặt trời mái nhà (sau đây gọi tắt hệ thống ĐMTMN) được lắp đặt trên mái nhà xưởng của Công ty TNHH T4 tại địa chỉ Lô A KCN N (Khu A), xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ).

Ngày 19/9/2020, Công ty T4 đã tiến hành khảo sát thực tế tại hiện trường xác định hiện trạng lưới điện đảm bảo đủ khả năng truyền tải công suất của các hệ thống ĐMTMN đã đăng ký và đồng ý ký Thỏa thuận đấu nối số 186 với Công ty Đ3.

Sau khi hoàn thành lắp đặt hệ thống ĐMTMN, trong các ngày 26 và 27/12/2020, Công ty Đ3 và nhà thầu đã tiến hành chạy thử, nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình và đưa vào sử dụng.

Ngày 28/12/2020, Công ty T4 đã lập hội đồng kiểm tra kỹ thuật để tiến hành kiểm tra kỹ thuật hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3. Tại Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà ngày 28/12/2020 đã xác nhận tất cả các thông số kỹ thuật đạt yêu cầu và đồng ý đấu nối.

Trên cơ sở đó, cùng ngày Tổng Công ty Đ3 (sau đây gọi tắt là Điện lực Đ3) và Công ty Đ3 đã tiến hành lắp đặt công tơ, hòa lưới điện và ký kết Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM.

Đến tối ngày 28/12/2020, sau một thời gian vận hành, thì hệ thống ĐMTMN xảy ra hiện tượng một số Inverter bị lỗi không ghi nhận sản lượng điện phát lên lưới. Công ty Đ3 sau đó phải dừng phát điện để yêu cầu nhà thầu sửa chữa, thay thế các inverter bị lỗi. Trong quá trình sửa chữa, nhà thầu đã tháo dỡ một số tấm pin đã lắp đặt trên mái nhà, đến ngày 20/01/2021 đã hoàn thành việc sửa chữa để vận hành trở lại hệ thống ĐMTMN. Từ thời điểm đó đến nay, hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 vận hành ổn định và an toàn.

Ngày 23/6/2023, Công ty T4 có Văn bản số 3081/GM-BĐPC gửi Công ty Đ3 yêu cầu làm rõ số lượng pin năng lượng mặt trời lắp đặt trước ngày 28/12/2020 và số lượng pin lắp đặt sau ngày 28/12/2020 để tách đấu nối, không đưa lên lưới điện của Công ty T4.

Ngày 19/7/2023 Công ty T4 đã đơn phương tách đấu nối toàn bộ hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 và đến ngày 30/7/2023 chỉ đồng ý đấu nối lại $\frac{1}{2}$ công suất của các hệ thống điện mặt trời nêu trên với lý do: Ngày 28/12/2020 Điện lực T4 và Chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu kỹ thuật công trình điện và kiểm tra thông

số kỹ thuật các hệ thống điện mặt trời của chủ đầu tư lắp đặt trên mái nhà xưởng của Công ty T4, thời gian nghiệm thu ít, số lượng công việc nhiều nên cán bộ trực tiếp nghiệm thu thiết sót trong khâu kiểm đếm số lượng pin thực tế. Trong khung ảnh chụp ngày 29/12/2020 ghi nhận số lượng pin lắp đặt không đúng với số lượng pin ghi trong biên bản kiểm tra để ký hợp đồng mua bán điện. Do đó, Điện lực B chỉ đóng lên lưới số lượng pin được ghi nhận lắp đặt từ ngày 31/12/2020 trở về trước.

Tại Điều 6 của Thỏa thuận đấu nối ghi nhận (Bên A: Điện lực T4; Bên B: Công ty Đ3)

“...Bên A có quyền tách đầu nối bắt buộc trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 53 Thông tư số: 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 do Bộ C ban hành Quy định hệ thống điện phân phối...”

Tại điểm c, khoản 2 Điều 3 Hợp đồng mua bán điện ghi nhận:

(Bên A: Công ty Đ3; Bên B: Điện lực Bình Định)

“...c) Thanh toán trong trường hợp sự cố hệ thống đo đếm

Trong trường hợp hệ thống đo đếm sản lượng điện bị sự cố (do cháy, hỏng, mất hoặc động không chính xác), Bên bán điện cần thông báo ngay cho Bên mua điện về sự cố của hệ thống đo đếm, các bên lập biên bản về sự cố, thực hiện thỏa thuận về sản lượng điện năng mà Bên A đã phát lên lưới điện của Bên B trên cơ sở sản lượng của kỳ thanh toán hoặc năm hoặc tháng hoặc tuần trước đó...”

Công ty Đ3 không vi phạm bất kỳ trường hợp nào quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 53 Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 do Bộ C ban hành Quy định hệ thống điện phân phối. Sản lượng điện trong những ngày đầu của tháng 1/2021 thấp vì sản lượng điện phụ thuộc vào thời tiết và vì phải dừng phát điện để sửa chữa từ tối ngày 28/12/2020 đến 20/01/2021, nguyên nhân do một số I bị lỗi không ghi nhận sản lượng điện phát lên lưới nên nhà thầu phải tháo I và một số pin xuống để sửa chữa và cung cấp các hồ sơ liên quan. Đồng thời Công ty Đ3 đã gửi tới Công ty T4 bản giải trình, Biên bản đề nghị sửa chữa, Biên bản nghiệm thu kèm theo.

Do đó, việc Công ty T4 đơn phương tách đầu nối và sau đó chỉ thực hiện đấu nối lại ½ công suất là không có cơ sở, mang tính chủ quan, áp đặt, không tuân thủ các thỏa thuận tại Thỏa thuận đấu nối số 186 ngày 19/9/2020 của Công ty T4 và Công ty Đ3 và Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM, gây ảnh hưởng thiệt hại nghiêm trọng đến Công ty Đ3. Do đó Công ty Đ3 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Tuyên Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM ngày 28/12/2020 giữa Điện lực Đ3 và Công ty Đ3 có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Điện lực Đ3 thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện tại Dự án điện trời mái nhà của Công ty Đ3 lắp đặt trên mái nhà xưởng của Công ty TNHH T4 tại địa chỉ Lô A KCN N (Khu A), xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ) theo Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật ngày 28/12/2020;

- Buộc Điện lực Miền Trung thanh toán toàn bộ tiền điện còn nợ Công ty Đ3 các tháng 5,6,7/2023 số tiền: 428.407.978đ;

- Buộc Điện lực M thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện, số tiền tạm tính đến tháng 7/2025 là : 172.149.114 đồng vì tại điểm b Mục 3 Điều 4 Hợp đồng mua bán điện ghi nhận: "...Sau thời hạn nêu trên, bên B không thanh toán cho Bên A thì bên b có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả cho toàn bộ khoản tiền chậm trả tính từ ngày sau đến hạn thanh toán đến ngày Bên B thanh toán. Hai Bên tự thỏa thuận về lãi phạt chậm trả trên cơ sở phù hợp với quy định của Luật Thương mại 2005 và bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Bên bán điện..."

Tại Điều 23 Luật Điện lực 2004 được sửa đổi bởi Khoản 9 Điều 1 Luật điện lực sửa đổi 2012 quy định về thanh toán tiền điện như sau: "...2. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện..."

Lãi suất của số tiền chậm trả hoặc thu thừa do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán..."

Mức lãi suất được tính là 11,4% (là lãi suất cho vay tại Ngân hàng Q4 – MB nơi Công ty Đ3 có tài khoản thanh toán).

- Buộc Điện lực Đ3 thanh toán toàn bộ tiền phạt hợp đồng khoản tiền tương ứng với 8% phần Hợp đồng vi phạm do chậm trả tiền điện, số tiền: 362.239.917 đồng vì căn cứ điểm b Mục 3 Điều 4 Hợp đồng mua bán điện; Căn cứ Điều 300 Luật thương mại 2005: "Phạt vi phạm: Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này."; Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại 2005: "Mức phạt vi phạm: Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này."

- Buộc Điện lực Đ3 bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ3 do tách đầu nối ½ công suất điện của Dự án từ thời điểm tách đầu nối (19/7/2023) cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm, (tạm tính tới tháng 8/2025) số tiền: 2.825.946.868 đồng vì ngày 19/7/2023 Công ty T4 (đơn vị được uỷ quyền của Tổng Công ty Đ3) đã đơn phương tách đầu nối toàn bộ hệ thống điện mặt trời của Công ty Đ3 và đến ngày 30/7/2023 chỉ đồng ý đầu nối lại ½ công suất của hệ thống điện mặt trời.

Tổng cộng số tiền Công ty Đ3 thanh toán là: 3.788.743.877đ (Ba tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM ngày 28/12/2020 giữa Điện lực Đ3 và Công ty Đ3 vô hiệu một phần đối với công suất 491,28 kWp tương ứng với số tám pin vi phạm là 1.104 tấm pin phía nguyên đơn không đồng ý vì Hợp đồng mua bán điện ngày 28/12/2020 được ký giữa Điện lực Đ3 và Công ty Đ3 là giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Điện lực Miền Trung có yêu cầu phản tố, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Duy L, ông Lương Nguyễn Quang V, ông Nguyễn Danh L1 thống nhất trình bày:*

1. Đối với yêu cầu “Tuyên Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM ngày 28/12/20220 giữa Điện lực Đ3 và Công ty Đ3 có hiệu lực pháp luật và buộc Điện lực Đ3 thực hiện đầu nối lại toàn bộ hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 theo Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020”. Điện lực Đ3 không đồng ý yêu cầu khởi kiện này của Công ty Đ3 bởi các lý do sau:

Thứ nhất, việc Điện lực Miền T2 thực hiện tách đầu nối đối với một phần hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 xuất phát từ hành vi cung cấp thông tin không trung thực của Công ty Đ3 về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống ĐMTMN trong quá trình nghiệm thu, ký kết Hợp đồng mua bán điện với Công ty T4 nhằm mục đích hưởng lợi bất hợp pháp từ chính sách ưu đãi về giá bán điện của Quyết định số: 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, theo điểm c khoản 4 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 quy định: “Giá mua điện tại khoản 2 Điều này được áp dụng cho hệ thống ĐMTMN có thời điểm vào vận hành phát điện và xác nhận chỉ số công tơ trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được áp dụng 20 năm kể từ ngày vào vận hành phát điện”. Để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá bán điện theo chính sách khuyến khích phát triển điện MTMN của Chính phủ, phía Công ty Đ3 đã thực hiện hành vi cung cấp thông tin không trung thực về hệ thống ĐMTMN trong quá trình nghiệm thu, ký kết HĐMBĐ. Hành vi vi phạm của Công ty Đ3 chỉ bị phát hiện khi có đơn khiếu nại của công dân vào ngày 16/11/2022 và ngày 07/6/2023. Qua xác minh và thu thập hồ sơ, tài liệu có liên quan, Điện lực Đ3 phát hiện Công ty Đ3 đã không trung thực trong việc cung cấp các thông tin về tình trạng, số lượng tấm pin, công suất của hệ thống ĐMTMN tại thời điểm ký HĐMBĐ, cụ thể:

Công ty Đ3 có Đơn đề nghị nghiệm thu, Giấy đề nghị bán điện trong khi hệ thống ĐMTMN chưa hoàn thành:

- Hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 được nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng theo Biên bản số 14/BHNT/NTDVSD ngày 31/12/2020, Biên bản này nêu rõ thời gian và địa điểm nghiệm thu: *“bắt đầu: 15 giờ 00 phút, ngày 31/12/2020; kết thúc: 16 giờ 00 phút, ngày 31/12/2020”*. Như vậy, việc ngày 19/12/2020 Công ty Đ3 có Đơn đề nghị V/v yêu cầu nghiệm thu đóng điện công trình với nội dung *“Đến nay công trình đã hoàn thành, đúng theo hồ sơ thiết kế đã duyệt. Để tạo điều kiện sớm đưa công trình vào vận hành. Công ty TNHH Đ3 kính đề nghị Công ty T4 cho tiến hành nghiệm thu công trình”*; Ngày 26/12/2020 Công ty Đ3 có Giấy đề nghị bán điện để được Bên mua điện nghiệm thu và ký kết HĐMBĐ vào ngày 28/12/2020 trong khi hệ thống ĐMTNM chưa hoàn thành việc lắp đặt là thiếu trung thực, lừa dối Bên mua điện.

- Theo Biên bản giao nhận hàng hóa giữa Công ty Cổ phần T3 (đơn vị thi công) và Công ty TNHH I1 thì ngày 28/12/2020 Công ty T3 mới nhận 52 Bộ biến

tần năng lượng mặt trời hòa lưới 110 kW, Model: SUN2000-110KTL-M0, hiệu Huawei (I) từ Bên giao hàng tại trụ sở Công ty có địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để phục vụ cho việc lắp đặt hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3. Do vậy, trong ngày 28/12/2020 hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 không thể có đầy đủ vật tư thiết bị (Inverter) để hoàn thành xong việc lắp đặt.

- Công ty Đ3 không trung thực trong việc cung cấp thông tin về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống ĐMTMN tại thời điểm nghiệm thu, ký kết HĐMBĐ ngày 28/12/2020: Theo Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật ĐMTMN ngày 28/12/2020 giữa đại diện Công ty T4 và Công ty Đ3, phía Công ty Đ3 cung cấp thông tin về công suất của hệ thống ĐMTMN là 952,3 kWp; tấm pin mặt trời loại 0,445 kWp/tấm (tương đương 2.140 tấm pin). Tuy nhiên, theo Báo cáo số: 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023 kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của Đ5 (thuộc Cục V1 – Bộ T5) thể hiện hình ảnh vệ tinh viễn thám Planet Scope chụp ngày 29/12/2020 (hình 1, hình 3) đưa ra kết quả xác định hiện trạng che phủ pin năng lượng mặt trời như sau: *“Tại thời điểm ngày 29/12/2020, pin năng lượng mặt trời mới chỉ lắp đặt tại khu vực giữa mái (trong vùng bao bằng đường màu xanh) như trong hình ảnh dưới đây. Các khu vực khác chưa lắp đặt”*. Căn cứ hình ảnh chụp ngày 29/12/2020, các Bên xác định số lượng tấm pin lắp đặt tại thời điểm 29/12/2020 là **1.036 tấm pin** theo Biên bản làm việc ngày 29/7/2023 giữa Công ty T4 và đại diện Công ty Đ3.

- Hồ sơ chứng minh, làm rõ nguyên nhân số lượng tấm pin hệ thống ĐMTMN giảm vào ngày 29/12/2020 cũng có nhiều nội dung không trung thực, không phù hợp với hồ sơ vụ việc: Theo hồ sơ Công ty Đ3 cung cấp, ngày 28/12/2020 Công ty Đ3 có Văn bản số: 28-12/CV/TĐ-TC về việc kiểm tra, tháo dỡ I và P bị sự cố đi sửa chữa bảo hành hệ thống ĐMTMN gửi Công ty Cổ phần T3, trong khi đó ngày 31/12/2020 các Bên mới ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng nên thời điểm ngày 28/12/2020 Công ty Cổ phần T3 chưa phát sinh nghĩa vụ bảo hành. Ngoài ra, tại Văn bản số: 28-12/CV/TĐ-TC ngày 28/12/2020 của Công ty Đ3 ghi nhận nội dung *“đề nghị Công ty Cổ phần T3 kiểm tra lại I và một số Pin bị sự cố vào chiều tối ngày 28/12/2020 và đề nghị tháo dỡ I và P bị sự cố ra để đem đi bảo hành sửa chữa thay thế một số hệ thống pin năng lượng mặt trời tại mái nhà xưởng Công ty Cổ phần T4”*. Tuy nhiên, tại Biên bản nghiệm thu bàn giao ngày 20/01/2021 giữa Công ty Đ3 và Công ty Cổ phần T3 có nội dung *“hai bên xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện hoàn thành đúng tiến độ từ ngày 31/12/2020 đến ngày 20/01/2021”*, điều này chứng minh rằng nếu có việc tháo dỡ số Inverter và số tấm P bị sự cố ra để đem đi bảo hành sửa chữa thay thế thì phải đến ngày 31/12/2020 Công ty Cổ phần T3 mới thực hiện, nên có thể khẳng định rằng việc số lượng tấm pin được thu thập qua không ảnh ngày 29/12/2020 ít hơn so với biên bản nghiệm thu là do trước đó hệ thống chưa được lắp đặt đầy đủ.

- Để làm rõ việc Công ty Đ3 có thật sự hoàn thành việc lắp đặt số lượng 2.140 tấm pin như ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020 hay không.

Ngày 05/2/2024 Công ty T4 đã ký hợp đồng số: 01/2024/HĐ-ĐVTTW-BĐPC với Đài Viễn Thám T thuộc Cục V1 – Bộ T5 để cung cấp dữ liệu hình ảnh các ngày 27/12/2020 (trước thời điểm nghiệm thu); ngày 28/12/2020 (ngày nghiệm thu) và ngày 29/12/2020 (sau thời điểm nghiệm thu). Căn cứ kết quả tại Báo cáo số: 26/CV-ĐVTTW ngày 15/02/2024 của Đài Viễn Thám T khẳng định: “Đối chiếu với mặt bằng bố trí tấm pin do công ty cung cấp thì phạm vi lắp đặt trên sơ đồ tại các ngày 27, 28, 29 tháng 12 năm 2020 là giống nhau và có vị trí như hình dưới (trong vùng bao bằng đường màu đỏ”. Kết luận này hoàn toàn giống với kết luận của Báo cáo số: 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023 kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của Đ5 mà Công ty Đ3 đã cung cấp cho Công ty T4 vào tháng 7/2023. Từ các chứng cứ nêu trên, khẳng định được rằng tại thời điểm ngày 28/12/2020 Công ty Đ3 chỉ mới hoàn thành việc lắp đặt đối với 1.036 tấm pin (thuộc đối tượng được hưởng chính sách giá bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg). Bên cạnh đó, việc cung cấp các thông tin không chính xác về số lượng tấm pin, công suất của hệ thống ĐMTMN cũng được phía Công ty Đ3 thừa nhận tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2023 đối với “Các nội dung thống nhất giữa các bên tham gia: - Qua sản lượng phát tháng 1/2021 so với tháng 1/2022, có khả năng số lượng tấm pin lắp đặt không đúng theo biên bản, hợp đồng đã ký”.

Thứ hai: Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ và nội dung trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, các cá nhân tham gia nghiệm thu đã dựa vào thông tin không chính xác của Công ty Đ3 về số lượng tấm pin, công suất của hệ thống để lập biên bản nghiệm thu, các cá nhân tham gia nghiệm thu thừa nhận có một phần lỗi trong việc không kiểm tra lại các thông tin mà Công ty Đ3 cung cấp, thời gian nghiệm thu vào chiều tối (16h30-17h30) ngày 28/12/2020 trời mưa và tối nên gây khó khăn trong việc kiểm đếm hệ thống pin.

Thứ ba: Việc tách đầu nối đối với hệ thống ĐMTMN vi phạm được Điện lực Miền Trung (đại diện là Công ty T4) thông báo trong thời hạn hợp lý trước khi thực hiện và có sự hợp tác, thống nhất với Công ty Đ3 vào ngày 29/7/2023. Sau khi phát hiện hành vi sai phạm trong công tác lắp đặt, nghiệm thu số tấm pin của Công ty Đ3, phía Công ty T4 đã có Giấy mời số: 3081/GM-BĐPC ngày 23/6/2023, Giấy mời số: 3185/GM-BĐPC ngày 28/6/2023 mời Công ty Đ3 tham dự cuộc họp và nêu rõ trường hợp đại diện của Công ty Đ3 không tham dự thì sau ngày 03/7/2023 Công ty T4 sẽ thực hiện tách đầu nối. Sau 02 lần mời họp mà đại diện Công ty Đ3 không tham dự, Công ty T4 đã thực hiện nhiều văn bản thông báo cho Công ty Đ3 trước khi thực hiện tách đầu nối như: Văn bản thông báo số: 599/ĐLQN-KD ngày 06/7/2023 về việc ngắt đầu nối hệ thống ĐMTMN ra khỏi lưới điện của ngành điện, Văn bản số: 3603/BĐPC-TTBVPC+KD ngày 18/7/2023 về việc tách đầu nối 04 hệ thống pin lắp đặt trên mái nhà xưởng của Công ty TNHH T4. Trước hành vi sai phạm của Công ty Đ3 gây trực tiếp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước và của Điện lực Đ3 thì việc Điện lực Đ3 tạm ngừng thực hiện hợp đồng (tách đầu nối để ngừng việc mua điện) đối với Công ty Đ3 trong thời gian chờ quyết định

giải quyết của cơ quan có thẩm quyền là có căn cứ, kịp thời ngăn chặn và làm giảm thiệt hại cho Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện tách đầu nối hệ thống ĐMTMN, Công ty T4 được phía Công ty Đ3 hợp tác, thống nhất mới có thể thực hiện được, điều này được thể hiện tại nội dung Biên bản làm việc ngày 29/7/2023 giữa Công ty T4 và đại diện Công ty Đ3 thống nhất *“đóng lại số lượng tấm pin này vào ngày 30/7/2023 lên lưới điện Công ty T4”* theo số lượng tấm pin đã lắp đặt xác định theo không ảnh ngày 29/12/2020 của Cục V1 đối với hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 là 1.036 tấm pin. Ngoài ra, hệ thống ĐMTMN là tài sản của Công ty Đ3 (do Công ty Đ3 quản lý) nên trong quá trình tách đầu nối đối với 1.104 tấm pin vi phạm cần có sự hợp tác và thống nhất với Công ty Đ3 thì Công ty T4 mới có thể thực hiện được.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên cho thấy Công ty Đ3 đã cung cấp các thông tin không trung thực về công suất, số lượng tấm pin của HTĐMT tại thời điểm lắp đặt, nghiệm thu và ký kết HĐMBĐ là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nguyên tắc *“pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực”*, vi phạm khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012 quy định hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện lực là *“Cung cấp thông tin không trung thực làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện”*, có hành vi lừa dối/gian lận khiến đại diện của EVNCPC xác định sai các thông tin về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống ĐMTMN nên mới ký kết Hợp đồng mua bán điện số: PC07AA0184610/MTAM ngày 28/12/2020. Do đó, Điện lực Miền Trung yêu cầu Tòa án áp dụng khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 3, điểm b, c khoản 1 Điều 117, Điều 123, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tuyên bố Hợp đồng mua bán điện số: PC07AA0184610/MTAM ngày 28/12/2020 vô hiệu một phần đối với công suất hệ thống ĐMTMN lắp đặt thêm không đủ điều kiện hưởng ưu đãi về giá bán điện theo Quyết định số: 13/2020/QĐ-TTg, cụ thể: Tuyên vô hiệu đối công suất 491,28 kWp tương ứng với số tấm pin vi phạm là 1.104 tấm (công suất mỗi tấm là 445 Wp) của Công ty Đ3.

2. Đối với yêu cầu “buộc Điện lực Đ3 thanh toán tiền điện, toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ3 từ thời điểm tách đầu nối đến thời điểm thực hiện đầu nối lại toàn bộ các hệ thống ĐMTMN nêu trên, tạm tính: 3.788.743.877đ” Điện lực Miền Trung có ý kiến như sau:

- Đối với yêu cầu thanh toán tiền điện các tháng 5,6,7/2023:

Điện lực Đ3 chưa có cơ sở thanh toán đối với sản lượng điện các sản lượng điện các tháng 5,6,7/2023 phát sinh từ phần công suất 491,28 kWp của 1.104 tấm pin được lắp đặt, nghiệm thu không đúng (số lượng tấm pin nằm ngoài phạm vi được ghi nhận từ không ảnh của Cục V1 và nhằm mục đích hưởng lợi bất hợp pháp từ chính sách ưu đãi về giá bán điện của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg), Điện lực Đ3 xác định hiện nay giá mua điện đối với hệ thống ĐMTMN áp dụng theo khoản 4 Điều 14 Nghị định số 58/2025/ND-CP “Giá mua bán sản lượng điện dư là giá

điện năng thị trường điện bình quân trong năm trước liền kề do đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện công bố nhưng không cao hơn mức giá tối đa của khung giá điện mặt trời mặt đất”. Giá điện năng thị trường điện bình quân theo công bố hiện là 1.096,5 đ/KWH.

- Đối với yêu cầu buộc Điện lực Đ3 bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ3 do tách đầu nối $\frac{1}{2}$ công suất điện của Dự án cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại: Việc Điện lực Đ3 tạm ngừng mua điện xuất phát từ hành vi vi phạm của phía Công ty Đ3, trước khi tạm ngừng phía Điện lực Đ3 đã có nhiều thông báo cho Công ty Đ3 trong khoảng thời gian hợp lý để phía Công ty Đ3 cùng phối hợp giải quyết nhưng phía Công ty Đ3 không cung cấp được các hồ sơ chứng minh theo nội dung đã cam kết tại Biên bản họp ngày 13/6/2023. Theo Biên bản làm việc ngày 29/7/2023 giữa BĐPC và đại diện Công ty Đ3 có nội dung: “Trên cơ sở văn bản số 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023 của Đ5 báo cáo kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020. Tại trang 4 (có hình 3) giải đoán hình ảnh chụp ngày 29/12/2020 có đóng con dấu đỏ của Đài Viễn thám Trung ương và có phần chữ đỏ ghi *“khu vực đã lắp đặt pin năng lượng mặt trời, khu vực chưa lắp đặt pin năng lượng mặt trời”*. Trên cơ sở hình ảnh này, xác định số lượng pin đã lắp đặt và chưa lắp đặt của 2 khu vực tương ứng với số lượng pin đã lắp đặt là 3.975 tấm pin số lượng cụ thể đã lắp của từng hệ thống như sau: Công ty TNHH Đ6: 956 tấm; Công ty TNHH Đ7: 1.116 tấm; Công ty TNHH Đ3: 1036 tấm; Công ty TNHH Đ8: 867 tấm. Hai bên thống nhất đóng lại số lượng tấm pin này vào ngày 30/7/2023 lên lưới điện Công ty T4.

Nếu Chủ đầu tư 04 hệ thống điện mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty TNHH T4 bổ sung hình ảnh chụp vào ngày 30 hoặc 31/12/2020, xác định được số lượng pin đã lắp đặt hợp pháp, thì Công ty T4 sẽ tiếp tục đóng số lượng pin hợp pháp đó lên lưới điện của Công ty T4”. Theo Biên bản này, Công ty Đ3 đã thống nhất việc đầu nối đối với 1.036 tấm được xác định theo ảnh ngày 29/12/2020 của Cục V1. Trong quá trình thực hiện đầu nối 1.036 tấm pin và tách đầu nối đối với 1.104 tấm pin vi phạm đối với hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3, Điện lực miền T2 cần có sự hợp tác và thống nhất với Công ty Đ3 thì mới có thể can thiệp vào hệ thống ĐMTMN là tài sản của Công ty Đ3 để thực hiện việc tách đầu nối. Do vậy, việc Công ty Đ3 yêu cầu bồi thường thiệt hại phát điện là không có căn cứ, không kèm theo hồ sơ chứng minh vi phạm, mức thiệt hại theo Điều 303, 304 Luật thương mại năm 2005 nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của Công ty Đ3.

- Đối với yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện, thời gian tính lãi tính tới khi xét xử xong sơ thẩm: Căn cứ Điều 4 của Hợp đồng mua bán điện, việc thanh toán tiền điện được thực hiện trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên A, đến ngày 16/5/2024 phía Công ty Đ3 mới gửi hồ sơ đề nghị thanh toán. Ngày 17/5/2024 Điện lực miền T2 đã thanh toán tiền điện từ tháng 08/2023 đến tháng 04/2024, đối với tiền điện tháng 5, 6, 7/2023 Điện lực miền T2 cần tính toán để thanh toán tương ứng với công suất nghiệm thu đúng nên ngày 26/6/2023 Điện lực Đ3 mới thực hiện thanh toán.

Việc tạm dừng thanh toán xuất phát từ hành vi vi phạm của Công ty Đ3 và trên cơ sở thỏa thuận thống nhất với Công ty Đ3 tại Biên bản họp ngày 13/6/2023 với nội dung “Qua sản lượng phát tháng 1/2021 so với tháng 1/2022, có khả năng số lượng pin lắp đặt không đúng biên bản, hợp đồng đã ký. Vì vậy, để làm rõ vấn đề trên: + Trong thời gian chờ bổ sung thêm hồ sơ để chứng minh sự phù hợp về mặt pháp lý của hệ thống pin lắp, Công ty T4 tạm dừng thanh toán cho các hệ thống này”. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu lãi chậm thanh toán là không phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

- Đối với yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền phạt hợp đồng do chậm trả tiền điện, thời gian tính lãi khi xét xử xong sơ thẩm: Hợp đồng mua bán điện đã ký không có thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng, không quy định mức phạt vi phạm theo quy định tại Điều 300, 301 Luật thương mại năm 2005. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu phạt chậm thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng 8% phía nguyên đơn không đồng ý.

Ngày 27/5/2024 bị đơn Điện lực Đ3 có yêu cầu phản tố như sau: Yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mái nhà số PC07AA0184610/MTAM giữa Công ty TNHH Đ3 ký ngày ngày 28/12/2020 vô hiệu đối với công suất 491,28 kWp tương ứng với số tấm pin vi phạm là 1104 tấm (công suất mỗi tấm là 0,445 kWp) và Điện lực Đ3 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên hợp đồng vô hiệu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Thế B quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm đã trình bày: Với trách nhiệm Phó Giám đốc phụ trách công tác kỹ thuật của Công ty T4 (nay là Công ty Đ9), ông B chỉ đạo phòng Kỹ thuật Công ty T6 và tổ chức kiểm tra kỹ thuật và nghiệm thu các công trình điện (đường dây và trạm biến áp) theo quy định phân cấp của Công ty. Giám đốc Công ty T4 ban hành Thông báo số: 6959/TB-BĐPC ngày 28/12/2020 về việc triệu tập nghiệm thu kỹ thuật công trình thời gian 28/12/2020 bắt đầu từ 8 giờ, thành phần tham gia nghiệm thu gồm Phòng Kỹ thuật Công ty (Chủ trì), Phòng Kinh doanh Công ty Q3. Khi Phòng kỹ thuật Công ty T7 ký nghiệm thu công trình gồm: Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện đường dây 22kV và TBA1000k VADMT, Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà vì không tham gia nghiệm thu nên ông không nắm được tình hình thực tế số lượng tấm pin năng lượng mặt trời của Công ty Đ3. Biên bản trình ký có số liệu rõ ràng, phù hợp với thỏa thuận đấu nối và số liệu đo đạc đánh giá đạt kỹ thuật, không có tồn tại. Ông đã ký nghiệm thu đóng điện công trình điện và cả hệ thống ĐMTMN (để cho các đơn vị kịp hoàn chỉnh các thủ tục ký hợp đồng mua bán điện).

Qua thời gian theo dõi, Điện lực Q3 báo cáo số liệu so sánh sản lượng điện tháng 01/2021 với sản lượng điện tháng 01 các năm 2022, 2023 thì nhận thấy sản lượng điện 2021 thấp hơn với tháng 01 các năm 2022 và tháng 01 năm 2023. Đồng thời qua đơn tố cáo nặc danh có nêu số lượng pin lắp đặt thời điểm nghiệm thu không đúng theo số lượng thực tế thi công, Công ty T4 mời đại diện theo pháp luật

của Công ty Đ3 đến để lấy thông tin về độ trung thực của chủ đầu tư về số lượng pin được lắp đặt tại thời điểm nghiệm thu ngày 28/12/2020. Tuy nhiên, Công ty T4 nhận thấy lý do chủ đầu tư giải trình không phù hợp với ảnh chụp qua vệ tinh vào ngày 29/12/2020 do Đ1 Viễn thám Trung ương cung cấp nên đề nghị Toà án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Ông Phan Văn H1 quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Về công tác nghiệm thu: Thông báo số 6959/TB-BĐPC ngày 28/12/2020 của Giám đốc Công ty T4 về việc triệu tập nghiệm thu kỹ thuật công trình kế hoạch bắt đầu 8h-28/12/2020. Ông H1 với vai trò Trưởng phòng kỹ thuật, giao công việc cho ông Lưu Hữu L2 - Chuyên viên Phòng kỹ thuật thực hiện công tác nghiệm thu trực tiếp tại hiện trường. Ngày 29/12/2020, ông nhận được hồ sơ trình ký của ông Lưu Hữu L2 gồm: Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện đường dây 22kV và TBA1000k VADMT, Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật Điện mặt trời mái nhà T, 4 hình ảnh nghiệm thu chụp bằng điện thoại cá nhân thể hiện thời gian chụp từ 9h30 đến 9h34 phút ngày 29/12/2020. Bản trình ký có số liệu rõ ràng, phù hợp với thỏa thuận đấu nối và không có tồn tại, ông đã ký nghiệm thu đóng điện công trình.

Về đánh giá mức độ rủi ro sai sót trong công tác nghiệm thu ngày 28/12/2020: Khối lượng công việc giao thực hiện tại địa điểm Công ty CP T4, N, TP Q gồm: Nghiệm thu đóng điện ĐZ và TBA nâng của 2 hệ thống Q&N và Tràng Định; Kiểm tra thông số kỹ thuật của 04 hệ thống ĐMTMN B, Q1, Quang L3, Tràng Định với qui mô 3809,2kWp, số lượng pin 8560 tấm; Chụp ảnh: Không có thiết bị chụp toàn cảnh hệ thống, chỉ có điện thoại cá nhân. Thời lượng thực hiện công việc theo kế hoạch là 1 ngày bắt đầu từ 8h-28/12/2020. Tuy nhiên do tình hình thi công chưa xong nên công việc không triển khai theo kế hoạch (8h buổi sáng) mà đến 13h30 - 28/12/2020 mới tiến hành công việc trong điều kiện thời tiết xấu. Do vậy, không thể kiểm đếm hết số lượng pin và nắng cuối ngày hệ thống không phát hết công suất. Điều đó dẫn đến kết quả nghiệm thu ngày 28/12/2020 sai số lượng pin và công suất hệ thống.

Thời điểm nghiệm thu kiểm tra pin sau 17h30 ngày 28/12/2020 nên không đủ ánh sáng chụp hình, không đủ nắng để đánh giá về công suất. Khi ông L2 đến chụp ảnh pin trên mái nhà lúc 9h-29/12/2020 không thấy dấu hiệu tháo pin đi sửa chữa. Công ty Đ3 không có thông tin, báo cáo sự cố hệ thống điện mặt trời sau nghiệm thu. Theo báo cáo kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của Cục V1 thể hiện hình ảnh vệ tinh viễn thám Planet Scope chụp ngày 29/12/2020 đưa ra kết quả xác định hiện trạng che phủ pin năng lượng mặt trời như sau: *“Tại thời điểm ngày 29/12/2020, pin năng lượng mặt trời mới chỉ lắp đặt tại khu vực giữa mái (trong vùng bao bằng chuồng màu xanh) như trong hình ảnh dưới đây. Các khu vực khác chưa lắp đặt. Do vậy, ông xác định*

số lượng pin thực tế lắp đặt của Công ty Đ3 ngày 28/12/2024 của Công ty Đ3 là 1.036 tấm pin nên đề nghị Toà án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Ông Nguyễn Đức T1 quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Công tác nghiệm thu: Sáng ngày 28/12/2020, ông được Giám đốc Điện lực Quy Nhơn yêu cầu cử người đi nghiệm thu kỹ thuật công trình điện và kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà của 4 chủ đầu tư lắp đặt trên mái nhà xưởng Công ty CP T4 vào lúc 08h00 ngày 28/12/2020. Với vai trò Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Điện lực Q3, ông phân công ông Nguyễn Văn Q2 – Cán bộ Kỹ thuật thuộc Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật thực hiện công tác nghiệm thu trực tiếp tại hiện trường với thời gian bắt đầu 08h00 ngày 28/12/2020 (1 ngày) theo thông báo của Công ty T4. Ngày 29/12/2020, ông nhận được hồ sơ trình ký của ông Lưu Hữu L2 (Chuyên viên kỹ thuật – Phòng Kỹ thuật) gồm: Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật Điện mặt trời mái nhà T, 4 hình ảnh nghiệm thu chụp bằng điện thoại cá nhân thể hiện thời gian chụp từ 9h30 đến 9h34 phút ngày 29/12/2020. Bản trình ký có số liệu rõ ràng, phù hợp với thỏa thuận đấu nối và không có tồn tại. Ông đã ký nghiệm thu đóng điện công trình.

Thời điểm nghiệm thu kiểm tra pin sau 17h30 ngày 28/12/2020 nên không đủ ánh sáng chụp hình, không đủ năng để đánh giá về công suất. Khi ông L2 đến chụp ảnh pin trên mái nhà lúc 9h-29/12/2020 không thấy dấu hiệu tháo pin đi sửa chữa. Công ty Đ3 không có thông tin, báo cáo sự cố hệ thống ĐMT sau nghiệm thu.

Theo báo cáo kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của Cục V1 thể hiện hình ảnh vệ tinh viễn thám Planet Scope chụp ngày 29/12/2020 đưa ra kết quả xác định hiện trạng che phủ pin năng lượng mặt trời như sau: *“Tại thời điểm ngày 29/12/2020, pin năng lượng mặt trời mới chỉ lắp đặt tại khu vực giữa mái (trong vùng bao bằng đường màu xanh) như trong hình ảnh dưới đây. Các khu vực khác chưa lắp đặt”*.

Do vậy, ông xác định số lượng pin thực tế lắp đặt ngày 28/12/2020 HT ĐMTMN Trảng Định chỉ có 1036 tấm pin nên đề nghị Toà án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Ông Nguyễn Hữu L4 quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Ông được Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty T4 giao nhiệm vụ đi nghiệm thu đường dây, trạm biến áp và kiểm tra hệ thống ĐMTMN của 4 chủ đầu tư lắp đặt 4 hệ thống điện mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty cổ phần T4 tại khu K vào thời gian 8h00, ngày 28/12/2020 (trong đó có Công ty TNHH Đ3). Tuy nhiên, do công trình chưa thi công xong, ông cùng ông Nguyễn Văn Q2 (CV phòng KH-KT ĐLQN) đến tại hiện trường để nghiệm thu vào lúc 13h30. Sau khi kiểm tra, nghiệm thu đóng điện các TBA Q&N, Bình A (02 CĐT cũng có lắp đặt hệ thống ĐMTMN trên mái nhà xưởng Tingco), từ 16h30 đến 17h30 tôi kiểm tra thông số hệ thống ĐMTMN bằng máy đo chất lượng điện năng tại tủ điện hạ thế ở TBA, kết quả các

thông số về tần số, điện áp, sóng hài đảm bảo tiêu chuẩn vận hành. Lúc 17h30, tôi kiểm tra lắp đặt pin và I trên mái nhà xưởng (kiểm tra số lượng Inverter và đầu nối các string tại I đầy đủ). Tuy nhiên thời tiết lúc này có mây đen, mưa phùn, trời sầm tối, thiếu ánh sáng, có gió lớn, nên không chụp ảnh được, không đếm được số lượng pin cho từng hệ thống (trên mái có lắp đặt chung 04 hệ thống ĐMTMN), chúng tôi thống nhất số lượng pin ghi vào Biên bản kiểm tra hệ thống điện mặt trời theo hồ sơ hoàn công do chủ đầu tư cung cấp và lập biên bản kiểm tra thông số hệ thống ĐMTMN, gửi chủ đầu tư và đơn vị thi công ký. Sáng ngày 29/12/2020, sau khi nhận lại biên bản từ CĐT, ông trình ký biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật của hệ thống ĐMTMN cho lãnh đạo phòng và lãnh đạo Công ty T4. Khi kiểm tra hệ thống pin, thời tiết không thuận lợi, không đủ điều kiện về phương tiện, không đủ điều kiện về ánh sáng, an toàn (pin và inverter lắp trên mái nhà xưởng cao cách mặt đất khoảng 12 mét), sử dụng điện thoại chụp hình với ống kính nhỏ, độ rộng hẹp, không có vị trí đứng trên cao để chụp tổng thể dự án, nên không thể kiểm đếm chi tiết số lượng pin cho từng hệ thống, dẫn đến kết quả nghiệm thu ngày 28/12/2020 sai số lượng pin và công suất hệ thống.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 47/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng, quyết định:*

Căn cứ: Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 3, điểm b, c khoản 1 Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 300, Điều 306 Luật thương mại 2005; Khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ3 đối với bị đơn Tổng Công ty Đ3.

Công nhận hiệu lực Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM ký ngày 28/12/2020 giữa Tổng Công ty Đ3 và Công ty TNHH Đ3 có hiệu lực đối với phần công suất 461,02 kWp (1.036 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Tổng Công ty Đ3 thực hiện đầu nối lại phần công suất bị ngắt đầu nối theo hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM ký ngày 28/12/2020 giữa Công ty TNHH Đ3 và Tổng Công ty Đ3, cụ thể là phần công suất 491,28 kWp (1.104 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp).

Buộc Tổng Công ty Đ3 thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 số tiền: 237.487.032đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn không trăm ba mươi hai đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu thanh toán tiền điện tháng

5,6,7/2023 của Công ty TNHH Đ3 số tiền: 190.920.946đ (Một trăm chín mươi triệu chín trăm hai mươi ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

Buộc Tổng Công ty Đ3 thanh toán số tiền lãi do chậm trả tiền điện tháng 5,6,7/2023 đối với phần công suất của 1.036 tấm pin là 4.188.884đ (Bốn triệu một trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi tư đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu thanh toán số tiền lãi do chậm trả tiền điện của Công ty TNHH Đ3 số tiền: 167.960.230đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ngàn hai trăm ba mươi đồng).

Không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền phạt hợp đồng của Công ty TNHH Đ3 số tiền: 362.239.917đ (Ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm ba mươi chín ngàn chín trăm mười bảy đồng).

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do tách đầu nối công suất 491,28 kWp (1.104 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp) từ ngày 19/7/2023 là 2.825.946.868 đ (Hai tỷ tám trăm hai mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Tổng Công ty Đ3 đối với nguyên đơn Công ty TNHH Đ3.

Xác định Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM ký ngày 28/12/2020 giữa Công ty TNHH H2 điện mặt trời Trảng Định và Tổng Công ty Đ3 vô hiệu đối với phần công suất 491,28 kWp (tương đương 1.104 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 08 tháng 10 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng nhận được Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Đ3, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm tuyên xử thiếu khách quan, chưa xem xét hết các tình tiết có trong vụ án và làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi của Công ty Đ3.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ3, không chấp nhận yêu cầu phản tố của Tổng Công ty Đ3 .

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Hoàng Thị Thanh H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Đ3 vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận phản tố của bị đơn.

Luật sư Nguyễn Quốc K là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn Tổng Công ty Đ3 không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn, nội dung kháng cáo của nguyên Đơn Công ty TNHH Đ3 đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 47/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đà Nẵng là phù hợp với các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được thụ lý, giải quyết kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị Thanh H là người đại diện hợp pháp nguyên đơn Công ty TNHH Đ3 (người kháng cáo) và Luật sư Nguyễn Quốc K là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa xét kháng cáo của nguyên đơn vắng mặt người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Đ3 (*Công ty Đ3*).

[3.1] Về yêu cầu xác định Hợp đồng mua bán điện số: PC07AA0184610/MTAM có hiệu lực. Theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam (*Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg*), giá mua điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) được ưu đãi đối với hệ thống ĐMTMN có thời điểm vào vận hành phát điện và xác nhận chỉ số công tơ trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được áp dụng 20 năm kể từ ngày vào vận hành phát điện. Để được hưởng chính sách ưu đãi

trên, Công ty Đ3 đã đầu tư lắp đặt hệ thống ĐMTMN tại Lô A; A3.13; A3.14 KCN N (Khu A), Khu K, Tp Q (cũ), đến ngày 28/12/2020, Công ty T4 đã lập hội đồng kiểm tra kỹ thuật đối với hệ thống ĐMTMN do Công ty Đ3 đầu tư, tại Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà ngày 28/12/2020 xác định: *Hệ thống điện mặt trời mái nhà Công ty Đ3 có công suất dự án là 952,3KWp; Tấm pin mặt trời loại 445 kWp/tấm (2140 tấm) pin; Bộ I2 loại 110kW/bộ (08 bộ) ...* xác định chất lượng công trình: Đ2, đồng ý đấu nối hệ thống ĐMTMN do Công ty Đ3 đầu tư vào lưới điện phân phối của Công ty T4. Cùng ngày 28/12/2020 Công ty Đ3 và Tổng Công ty Đ3 (Điện lực Đ3) tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán điện số: PC07AA0184610/MTAM (Hợp đồng mua bán điện) về việc Công ty Đ3 bán điện năng được sản xuất từ hệ thống ĐMTMN đã đầu tư xây dựng và vận hành trên cho Điện lực Miền Trung với công suất, tấm pin mặt trời như đã được nghiệm thu, đồng ý đấu nối nêu trên để được áp dụng giá bán điện ưu đãi theo Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg.

[3.1.1] Quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán điện đến thời điểm tháng 11/2022 và tháng 6/2023 qua đơn khiếu nại của công dân Điện lực Đ3 đã xác minh, thu thập tài liệu cho rằng Công ty Đ3 đã không trung thực trong việc cung cấp các thông tin về tình trạng, số lượng tấm pin, công suất của hệ thống ĐMTMN tại thời điểm hai bên lập biên bản kiểm tra kỹ thuật và ký kết Hợp đồng mua bán điện. Ngày 23/6/2023 Công ty T4 có văn bản yêu cầu Công ty Đ3 làm rõ số lượng tấm pin được lắp đặt trước ngày 28/12/2020 và số lượng tấm pin được lắp đặt sau ngày 28/12/2020 để tách đấu nối không đưa lên lưới điện của Công ty T4. Ngày 19/7/2023 Công ty T4 đã tách đấu nối toàn bộ hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 và đến ngày 30/7/2023 đã đấu nối lại $\frac{1}{2}$ công suất của hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 với lý do: *chỉ đóng đấu nối lên lưới điện số lượng pin được ghi nhận lắp đặt từ ngày 31/12/2020 trở về trước*, dẫn đến tranh chấp của hai bên.

[3.1.2] Xét hiệu lực của Hợp đồng mua bán điện ngày 28/12/2020. Công ty Đ3 và Điện lực Đ3 tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán điện dựa trên Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật ĐMTMN ngày 28/12/2020 giữa đại diện Công ty T4, Q3 và chủ đầu tư là Công ty Đ3 xác định số lượng pin năng lượng mặt trời Công ty Đ3 đã lắp đặt tại dự án đến ngày là 28/12/2020 là 2140 tấm, công suất là 952,3 kWp. Nguyên đơn Công ty Đ3 xác định Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà ngày 28/12/2020 đã xác định đúng số lượng tấm pin và công suất của dự án ĐMTMN của Công ty Đ3 đã đầu tư, Công ty T4 đã nghiệm thu xác định đạt chất lượng kỹ thuật và đồng ý đấu nối vào lưới điện Điện lực B, nên Hợp đồng mua bán điện có hiệu lực toàn bộ. Bị đơn Công ty Đ3 chỉ đồng ý đấu nối và tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán điện đối với số lượng tấm pin, công suất được ghi nhận lắp đặt từ ngày ký Hợp đồng 28/12/2020 trở về trước và đề nghị tuyên vô hiệu đối với số lượng tấm pin, công suất được lắp đặt sau ngày ký Hợp đồng 28/12/2020.

[3.1.3] Căn cứ vào trình bày của các bên và tài liệu, chứng cứ cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thì thấy, toàn bộ hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 đầu tư là do Công ty CP T3 (Công ty T3) lắp đặt. Theo Hợp đồng kinh

tế số INV-041120/HĐKT/IGV-BK ngày 04/11/2020 và Phụ lục hợp đồng giữa Công ty T3 và Công ty TNHH I3 về việc mua bán các thiết bị để lắp đặt hệ thống ĐMTMN do Công ty Đ3 đầu tư thì ngày 28/12/2020 Công ty T3 mới nhận được các bộ biến tăng năng lượng mặt trời (Inverter) tại địa chỉ Thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn (theo hợp đồng là giao nhận là tại Cảng C, thành phố Hồ Chí Minh). Dù việc giao nhận cụ thể ở Lạng Sơn hay TP Hồ Chí Minh thì trong cùng ngày 28/12/2020 Công ty T3 cũng không thể hoàn thành được việc lắp đặt đầy đủ vật tư, trang thiết bị kỹ thuật để có thể nghiệm thu hoàn thành xác định số lượng pin đã lắp đặt đến ngày là 28/12/2020 là 2140 tấm, công suất là 952,3 kWp.

[3.1.4] Quá trình giải quyết vụ án, những người đại diện Công ty T4, Q3 tham gia ký Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật ĐMTMN ngày 28/12/2020 là ông Nguyễn Thế B, ông Phan Văn H1, ông Lưu Hữu L2, ông Nguyễn Đức T1 đều thừa nhận có sai sót, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, xác định đúng số lượng tấm pin, công suất đã được Công ty Đ3 đầu tư lắp đặt hoặc không có mặt tại thời điểm kiểm tra và ký biên bản ngày 28/12/2020.

[3.1.5] Sau khi xảy ra tranh chấp về số lượng tấm pin được lắp đặt tại thời điểm trước ngày 31/12/2020, là thời điểm được hưởng ưu đãi về giá bán ĐMTMN theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, Công ty T3 đã yêu cầu Đài V – Cục V1 xác định hiện trạng che phủ của các tấm pin năng lượng mặt trời đã được Công ty lắp đặt tại thời điểm ngày 29/12/2020. Tại Báo cáo số: 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023 Đài Viễn Thám Trung ương xác định: “*Tại thời điểm 29/12/2020, pin năng lượng mặt trời mới chỉ lắp đặt tại khu vực giữa mái (trong vùng bao bằng đường màu xanh) như trong hình ảnh dưới đây. Các khu vực khác chưa lắp đặt*”. Trên cơ sở Báo cáo số: 101/ĐVTTW-KHTH này, ngày 29/7/2023 Công ty T4 và 04 Công ty có hệ thống điện mặt trời lắp đặt trên mái nhà trên mái nhà xưởng Công ty TNHH T4, trong đó có Công ty Đ3 tổ chức họp và **thống nhất xác định** số lượng pin năng lượng mặt trời của 04 hệ thống lắp đặt trên mái nhà xưởng Công ty TNHH T4, trong đó xác định số lượng pin **Công ty Đ3 đã lắp đặt tại thời điểm ngày 29/12/2020 là 1.036 tấm**. Sau khi Công ty Đ3 khởi kiện và trong quá trình được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, theo yêu cầu của Công ty T4, Đài V Trung ương có Báo cáo số: 26/CV-ĐVTTW ngày 15/02/2024 xác định hiện trạng che phủ của các tấm pin năng lượng mặt trời do Công ty Đ3 lắp đặt trên nhà xưởng Công ty TNHH T4 tại các ngày 27, 28, 29/12/2020 là giống nhau, kết quả này không khác với Báo cáo số: 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023. Như vậy, trong các ngày 27, 28, 29/12/2020 Công ty Đ3 chỉ mới lắp đặt trên mái nhà xưởng Công ty TNHH T4 **1.036** tấm pin năng lượng mặt trời, tương đương phần công suất là 461,02 kWp (công suất mỗi tấm là 445 Wp) như các bên đã **thống nhất xác định** tại Biên bản họp ngày 29/7/2023 nêu trên. Do đó, việc ngày 28/12/2020 đại diện Công ty Đ3 và Công ty T4, Q3 tiến hành ký Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà xác định số lượng pin là **2140** tấm (công suất: 952,3kWp), nhiều hơn số lượng thực tế đã lắp đặt tại thời điểm là **1.104** tấm, (công suất là 491,28 kWp, mỗi tấm là 445 W) là không có căn

cứ. Có cơ sở cho thấy Công ty Đ3 đã cung cấp các thông tin không trung thực về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống ĐMTMN tại thời điểm nghiệm thu và ký kết Hợp đồng mua bán điện ngày 28/12/2020 để được hưởng giá bán điện ưu đãi theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Bản án sơ thẩm căn cứ khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 3, điểm b, c khoản 1 Điều 117, Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn xác định một phần Hợp đồng mua bán điện đối với phần **1.104** tấm pin, công suất 491,28 kWp được lắp đặt sau ngày ký hợp đồng 28/12/2020 trên hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ3 là vô hiệu, không đủ điều kiện hưởng ưu đãi về giá bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg là có căn cứ. Do Hợp đồng mua bán điện bị vô hiệu đối với phần số lượng pin lắp đặt sau ký hợp đồng, nên Công ty Đ3 yêu cầu xác định Hợp đồng mua bán điện có hiệu lực toàn bộ là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền điện, tiền lãi do chậm trả tiền điện, tiền phạt hợp đồng do chậm trả tiền điện và yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn Công ty Đ3.

[3.2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tiền điện còn nợ các tháng 5, 6, 7/2023 số tiền 428.407.978 đồng: Quá trình giải quyết vụ án các bên đã cung cấp tài liệu và xác nhận, bị đơn đã thanh toán tiền điện của tháng 5, 6, 7/2023 đối với sản lượng ĐMTMN tương ứng với phần công suất của 1.036 tấm pin có hiệu lực theo Hợp đồng mua bán điện với giá trị là 406.417.523 đồng. Còn lại sản lượng ĐMTMN của Công ty Đ3 đối với 1.104 tấm pin đã phát lên lưới điện của Công ty T4 trong các tháng 5, 6, 7/2023 là 199.082 kWh chưa thanh toán. Do đây là sản lượng điện của các tấm pin được lắp đặt sau thời điểm nghiệm thu và ký hợp đồng mua bán điện ngày 28/12/2020, không có hiệu lực để được hưởng theo giá ưu đãi theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg là 1.978đ/1kWh. Nhưng sản lượng điện này đã được Công ty Điện lực sử dụng để bán cho người dân. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn, buộc nguyên đơn phải thanh toán cho nguyên đơn với giá điện là 1.096,5đ/kWh theo Công văn số 1978/NSMO-TTĐ ngày 11/4/2025 của Công ty vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia về việc công bố dữ liệu giá bán điện năng thị trường 05 năm vận hành gần nhất, giá điện năng thị trường trung bình năm liên kề (từ năm 2020-2024), tương ứng với số tiền là 237.487.032đ, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền là 190.920.946đ.

[3.2.2] Về yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện, số tiền tạm tính đến tháng 8/2025 là 172.149.114 đồng: Tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2023 các bên thống nhất *“Trong thời gian chờ bổ sung thêm hồ sơ chứng minh về sự phù hợp về mặt pháp lý của hệ thống pin lắp, Công ty T4 tạm dừng thanh toán cho các hệ thống này”*. Đến ngày 16/5/2024, nguyên đơn có Giấy đề nghị thanh toán kèm hóa đơn GTGT đối với sản lượng điện từ tháng 5/2023 – tháng 4/2024. Ngày 17/5/2024 bị đơn đã thanh toán tiền điện của tháng 8/2023 đến tháng 4/2024 với tổng số tiền là 996.651.689 đồng và ngày 26/6/2024 đã thanh toán tiền điện của tháng 5,6,7/2023 với giá trị 406.417.523 đồng (tương ứng với phần công

suất của 1.036 tấm pin có giá trị theo Hợp đồng). Như vậy, tiền điện của từ tháng 8/2023 đến tháng 4/2024 đã thanh toán sau 01 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị thanh toán hợp lệ, không vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán điện nên không phát sinh nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thanh toán. Đối với tiền điện của tháng 5, 6, 7/2023 đối với sản lượng điện bị tuyên bố vô hiệu nên không có nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thanh toán. Riêng đối với sản lượng điện các tháng 5,6,7/2023 của 1.036 tấm pin tương ứng số tiền 406.417.523 đồng thì nguyên đơn có yêu cầu thanh toán từ ngày 16/5/2024, đến ngày 26/6/2024 mới được bị đơn thanh toán, sau thời hạn 07 ngày theo như quy định tại Hợp đồng, nên bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán từ 24/5/2024 đến 25/6/2024 (33 ngày) với lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của Ngân hàng TMCP C1, Ngân hàng TMCP N1 và Ngân hàng N2 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 11,4%/năm, tương ứng với số tiền là $(406.417.523 \text{ đồng} \times 11,4\%/\text{năm} \times 33 \text{ ngày}) = 4.188.884 \text{ đồng}$, không chấp nhận yêu cầu thanh toán số tiền lãi do chậm trả tiền điện với số tiền: 167.960.230 đồng.

[3.2.3] Về yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền phạt hợp đồng do chậm trả tiền điện số tiền 362.239.917 đồng. Theo quy định tại Điều 300 Luật Thương mại năm 2005: *“Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận”*. Tại Hợp đồng mua bán điện hai bên không thỏa thuận về phạt hợp đồng, đồng thời bị đơn cũng không đồng ý trả khoản tiền phạt này nên không có cơ sở chấp nhận.

[3.2.4] Về yêu cầu buộc bồi thường thiệt hại do bị tách đầu nối ½ công suất hệ thống ĐMTMN từ 19/7/2023 cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm (tạm tính tới tháng 8/2025) với số tiền 2.825.946.868 đồng: Xét Hợp đồng mua bán điện bị vô hiệu một phần đối với 1.104 tấm pin, công suất là 491,28 kWp, nên bị đơn đã tách đầu nối đối với phần vô hiệu này ra khỏi lưới điện của ngành điện từ ngày 09/7/2023 là có căn cứ, kịp thời ngăn chặn và giảm thiệt hại cho nhà nước, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi nối lại phần công suất của 1.104 tấm pin, công suất là 491,28 kWp đã bị ngắt đầu nối nay. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị ngắt đầu nối là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn như đã tuyên của Bản án sơ thẩm là có căn cứ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Công ty Đ3 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở nên không được HĐXX chấp nhận.

[5] Về ý kiến của đại diện VKSND thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị chấp nhận ý kiến của đại diện bị đơn tại phiên tòa, không chấp nhận

toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công ty Đ3 phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Đ3.
- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 47/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

Căn cứ:

- Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật TTDS.
- Khoản 3 Điều 3, điểm b, c khoản 1 Điều 117, Điều 127 Bộ luật DS 2015;
- Điều 300, Điều 306 Luật thương mại 2005;
- Khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ3 đối với bị đơn Tổng Công ty Đ3 về các yêu cầu sau:

1.1. Công nhận hiệu lực Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM ký ngày 28/12/2020 giữa Tổng Công ty Đ3 và Công ty TNHH Đ3 có hiệu lực đối với phần công suất 461,02 kWp (1.036 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp).

1.2. Buộc Tổng Công ty Đ3 thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 số tiền: 237.487.032đ (*Hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn không trăm ba mươi hai đồng*).

1.3. Buộc Tổng Công ty Đ3 thanh toán số tiền lãi do chậm trả tiền điện tháng 5, 6, 7/2023 đối với phần công suất của 1.036 tấm pin là 4.188.884đ (*Bốn triệu một trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi tư đồng*). Không chấp nhận một phần yêu cầu thanh toán số tiền lãi do chậm trả tiền điện của Công ty TNHH Đ3 số tiền:

167.960.230đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ngàn hai trăm ba mươi đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ3 đối với bị đơn Tổng Công ty Đ3 về các yêu cầu sau:

2.1. Yêu cầu thực hiện đấu nối lại phần công suất bị ngắt đấu nối theo Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM ký ngày 28/12/2020 giữa Công ty TNHH Đ3 và Tổng Công ty Đ3, cụ thể là phần công suất 491,28 kWp (1.104 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp).

2.2. Yêu cầu thanh toán tiền điện tháng 5, 6, 7/2023 cho Công ty TNHH Đ3 với số tiền 190.920.946đ (Một trăm chín mươi triệu chín trăm hai mươi ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

2.3. Yêu cầu thanh toán số tiền lãi do chậm trả tiền điện với số tiền: 167.960.230đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ngàn hai trăm ba mươi đồng).

2.4. Yêu cầu thanh toán tiền phạt hợp đồng với số tiền: 362.239.917đ (Ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm ba mươi chín ngàn chín trăm mười bảy đồng).

2.5. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tách đấu nối công suất 491,28 kWp (1.104 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 W) từ ngày 19/7/2023 cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm (tạm tính tới tháng 8/2025) là 2.825.946.868 đ (Hai tỷ tám trăm hai mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng).

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Tổng Công ty Đ3 đối với nguyên đơn Công ty TNHH Đ3 về yêu cầu: Xác định Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184610/MTAM ký ngày 28/12/2020 giữa Công ty TNHH H2 điện mặt trời Tràng Định và Tổng Công ty Đ3 vô hiệu đối với phần công suất 491,28 kWp (tương đương 1.104 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp).

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Án phí kinh doanh thương mại.

5.1. Án phí sơ thẩm:

- Tổng Công ty Đ3 phải chịu là 12.083.796đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ theo biên lai thu số 0004299 ngày 25/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu (cũ) nên còn phải tiếp tục nộp số tiền: 9.083.796đ (Chín triệu không trăm tám mươi ba ngàn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

- Công ty TNHH H2 điện mặt trời Trảng Định phải chịu: 102.741.539đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.865.522 đồng theo biên lai thu số 0002673 ngày 21/11/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.053.027 đồng theo biên lai thu số 0000181 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (cũ). Công ty TNHH Đ3 phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 51.822.990đ (*Năm mươi một triệu tám trăm hai mươi hai ngàn chín trăm chín mươi đồng*).

5.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Đ3 phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004468 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu